

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 116/2020/HS-ST

Ngày: 21-9-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Dương Văn Thoi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2020/HSST ngày 24/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST – HS ngày 24/8/2020 và thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 20/TB-TA ngày 04/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn X, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Không (đang chấp hành hình phạt tù); Trình độ văn hóa: 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Xuân M, sinh năm 1963; Con bà: Trần Thị B, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 681/2019/HSST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt 14 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Bản án số 17/2009/HSST ngày 28/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 17/2020/HSST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bản án số 40/2020/HSST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo chấp hành chung các bản án là 03 năm 05 tháng. Thời hạn chấp hành án từ ngày 24/11/2019, được trừ thời hạn tạm giữ tại Bản án số 681/2019/HSST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ ngày 20/02/2019 đến ngày 28/02/2019.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình thuộc Bộ Công an và có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Anh Trần Văn T - Sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**Người làm chứng:**

1.Chị Trần Thị H, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3.Anh Bùi Trọng Đ, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987, HKTT: Thôn X, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là đối tượng có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do không có tiền chi tiêu nên T nảy sinh ý định đi tìm các cửa hàng mua bán xe mô tô cũ, giả vờ hỏi mua rồi lợi dụng sơ hở của chủ cửa hàng để chiếm đoạt xe mô tô đem bán. Khoảng 12 giờ ngày 18/11/2019, Nguyễn Xuân T điện thoại cho anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1972, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn X, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là lái xe taxi T quen biết từ trước, hẹn anh Đ đến đón T tại đầu cầu Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, anh Đ đồng ý điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A-144.36 màu đen đến chỗ hẹn đón T. Tại đây, T bảo anh Đ chở đi tìm chỗ mua xe mô tô cũ, anh Đ đồng ý, T chỉ đường cho anh Đ đi theo hướng từ đầu cầu Mỹ Độ, theo Quốc lộ 37 để tìm cửa hàng. Khoảng 13 giờ, anh Đ chở T đến cửa hàng mua bán xe máy Thành Quát ở thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do anh Bùi Trọng Đ, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu 4, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang làm chủ thì T xuống xe, vào hỏi mua xe nhưng không mua được nên đã bảo anh Đ điều khiển xe ô tô chở T quay lại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để tiếp tục tìm. Đến khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, khi đi qua cửa hàng mua bán xe mô tô Thành Trung ở thôn D, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do anh Trần Văn T, sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường

trú: thôn H, xã A, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang làm chủ, thì T bảo anh Đ dừng xe, T xuống xe vào hỏi mua xe mô tô, anh Đ ngồi ngoài xe ô tô chờ. T vào cửa hàng, đặt vấn đề với anh T muốn mua một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave cũ cho ông chú đi cùng xe ô tô, thực chất, anh Đ chỉ là lái xe taxi T thuê chở đi mua xe mô tô chứ không phải T mua xe mô tô cho anh Đ như T nói. Anh T tin là T muốn mua xe thật nên cho T xem chiếc xe mô tô cũ, nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 36K-093.10 và nói giá 14.000.000 đồng. T xem xe, giả vờ nói với anh là để hỏi ý kiến ông chú đi cùng xem có đồng ý không, T ra xe ô tô nói chuyện với anh Đ, anh Đ xuống xe vào xem xe cùng T, T hỏi anh Đ “xe được không chú”, anh Đ trả lời “được”. Sau đó, T yêu cầu anh T cho xem giấy tờ xe để so số khung, số máy, anh T đồng ý, đưa giấy tờ xe cho T. T xem xong đề nghị anh T cho đi thử xe với mục đích nếu anh T đồng ý giao chìa khóa xe sẽ chiếm đoạt chiếc xe này, anh T tin lời T nói muốn mua xe cho anh Đ là chú của T, anh Đ lúc này đang ngồi uống nước trong quán nên đồng ý cho T đi thử xe, đưa chìa khóa cho T. T cầm chìa khóa và giấy tờ xe, ngồi lên xe nổ máy, điều khiển xe đi về hướng thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 20 phút sau không thấy T quay lại, anh T nghi ngờ nên có hỏi anh Đ thì mới biết anh Đ chỉ là lái xe taxi chở T đi, không có quan hệ gì với T, T cũng không mua xe mô tô cho anh Đ như đã nói trước đó. Tại thời điểm xảy ra vụ việc, có chị Trần Thị H, sinh năm 1995 là vợ của anh T cũng có mặt tại cửa hàng, chứng kiến vụ việc. Do không thấy T quay lại trả xe, biết mình đã bị T lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô, ngày 26/12/2019, anh T có đơn trình báo Công an huyện Việt Yên.

Ngày 12/02/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường, xác định vị trí để chiếc xe mô tô bị T chiếm đoạt là ở bên phải, trước cửa chính của cửa hàng mua bán xe mô tô cũ Thành Trung, cách cửa chính 02 mét.

Ngày 13/02/2020, Cơ quan điều tra đã có yêu cầu định giá tài sản số 20 đề nghị xác định giá trị chiếc xe mô tô do T chiếm đoạt của anh Trung. Tại bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 14/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận chiếc xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn)

Cơ quan điều tra đã cho anh Nguyễn Văn Đ, Trần Văn T, chị Trần Thị H, anh Bùi Trọng Đ nhận dạng Nguyễn Xuân T qua ảnh, kết quả, anh Đ, anh Trung, chị H đều nhận ra người trong ảnh cơ quan cho nhận dạng là Nguyễn Xuân T, là người đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh T vào ngày 18/11/2019.

Tại bản cáo trạng số 92/CT - VKS ngày 15/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai. Trước đây do

bị cáo nhận thức không đầy đủ, bị cáo nghĩ Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng nên bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng đến nay bị cáo đã nhận thức rõ được hành vi phạm tội, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt được của anh T, bị cáo đã bán cho một người không quen biết ở quán nước ven đường dưới Bắc Ninh được 9.400.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đến nay bị cáo không nhớ được địa điểm bị cáo đã bán xe cũng như người đã mua xe.

Về phân trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nhưng hiện nay bị cáo đang đi chấp hành án nên bị cáo chưa có điều kiện để bồi thường.

Bị hại anh Tyêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh giá trị chiếc xe máy theo giá của Hội đồng đã định giá là 10.000.000 đồng.

Người làm chứng anh Đ xác nhận anh là người đã chở bị cáo T vào quán xe máy của anh T ngày 18/11/2019 và xác định bị cáo T là người đã lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 15 đến 18 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 5 tháng tù của bản án số 40/2020/HS-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 4 năm 8 tháng đến 4 năm 11 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2019 nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ của bản án số 681/2019/HSPT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ ngày 20/02/2019 đến ngày 28/02/2019.

Do bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, hiện nay đang đi chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 579; Điều 580; Điều 584; Điều 585 BLDS 2015.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và DSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 18/11/2019, tại cửa hàng xe máy Thành T của anh Trần Văn T, sinh năm 1993 ở thôn D, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của anh T một chiếc xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi lừa đảo với giá trị tài sản là 10.000.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự an xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản” “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích lại phạm tội

nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Đã nhiều lần bị cáo bị đưa ra xét xử về các tội xâm phạm quyền sở hữu nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà vẫn liên tục phạm tội. Điều đó có thể thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Bị cáo không có tài sản riêng, không có công ăn việc làm do đang chấp hành án phạt tù nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa bồi thường cho anh T giá trị chiếc xe bị cáo chiếm đoạt. Do vậy, cần áp dụng Điều 579; Điều 580; Điều 584; Điều 585 BLDS 2015.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 10.000.000 đồng.

[10] Ngoài ra cần áp dụng Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T** 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 5 tháng tù của bản án số 40/2020/HS-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là **4 năm 8** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2019 nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ của bản án số 681/2019/HSPT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ ngày 20/02/2019 đến ngày 28/02/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 579; Điều 580; Điều 584; Điều 585 BLDS 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 10.000.000 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí DSST.

-Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1 b );
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.( 4 b );
- Lưu HS.VP ( 1 b );
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Thanh Quyên**